

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc định giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng
nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 140/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về tổ chức, quản lý hoạt động

vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ Thông tư số 56/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt lựa chọn đơn vị lập phương án giá đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 407/TTr-SXD ngày 20/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt định giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng: Các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Các điểm trông giữ xe đang hoạt động và các điểm trông giữ xe được thành lập, hoạt động sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành (trừ các điểm trông giữ xe tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; các điểm trông giữ xe khai thác tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thực hiện theo Đề án sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt).

3. Mức giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ chi tiết theo Phụ lục kèm Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn và đôn đốc việc thực hiện quy định về giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các đơn vị kinh doanh dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị kinh doanh dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ mức giá cụ thể đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Điều 1 để tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

b) Thực hiện niêm yết công khai mức giá, phương thức thu (khuyến khích thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt), số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh tại địa điểm trông giữ xe và thực hiện thu theo đúng giá niêm yết.

c) Quản lý, sử dụng số tiền thu được và thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét, xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

b) Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, bãi bỏ một phần khoản 2 Điều 1 về giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Biểu số 02 kèm theo), Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc Quy định giá một số dịch vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài chính; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Trưởng Thuế tỉnh Phú

Thọ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc các đơn vị kinh doanh dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Phòng KTVBQPPL);
- Các Sở, ban, ngành;
- Thuế tỉnh Phú Thọ;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-CB tỉnh Phú Thọ;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Quách Tất Liêm

PHỤ LỤC

Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... /... /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Các mức thu quy định đã bao gồm gửi mũ bảo hiểm (nếu có).
- Thời gian ban ngày: Từ 06h00' đến 18h00'; Thời gian ban đêm: Từ sau 18h00' đến trước 06h00' ngày hôm sau.
- Đối với các điểm trông giữ có mái che: Mức thu giá dịch vụ được tính bằng 130% mức thu quy định ở trên (Giá vé lấy chẵn đến 1.000 đồng).
- Trong trường hợp tổ chức giao thông sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích trông giữ xe ô tô chở người thì giá dịch vụ trông giữ xe (nếu có) được áp dụng tương ứng theo khu vực thuộc địa bàn các xã, phường.

II. GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE

1. Tại khu vực thuộc địa bàn các phường; các khu du lịch, khu danh thắng, khu di tích, lịch sử (không phân biệt theo địa bàn):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đã gồm thuế VAT)
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện):		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	3.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	7.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	60.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện):		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	5.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	6.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	11.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	80.000
3. Xe ô tô chở người dưới 08 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải dưới 01 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	25.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	30.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	55.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	600.000
4. Xe ô tô chở người từ 08 đến 17 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 01 đến dưới 05 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	30.000

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đã gồm thuế VAT)
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	35.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	65.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	700.000
5. Xe ô tô chở người từ 18 đến 28 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 05 đến dưới 10 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	35.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	40.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	75.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	800.000
6. Xe ô tô chở người từ 29 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 10 tấn trở lên:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	40.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	45.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	85.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	900.000

2. Tại khu vực thuộc địa bàn các xã (trừ các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các khu du lịch, khu danh thắng, khu di tích, lịch sử):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đã gồm thuế VAT)
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện):		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	40.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (kể cả xe máy điện):		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	4.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	9.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	60.000
3. Xe ô tô chở người dưới 08 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải dưới 01 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	20.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	25.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	45.000

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đã gồm thuế VAT)
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	500.000
4. Xe ô tô chở người từ 08 đến 17 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 01 đến dưới 05 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	25.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	30.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	55.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	600.000
5. Xe ô tô chở người từ 18 đến 28 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 05 đến dưới 10 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	30.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	35.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	65.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	700.000
6. Xe ô tô chở người từ 29 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 10 tấn trở lên:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	35.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	40.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	75.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	800.000

3. Tại khu vực thuộc địa bàn các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (trừ các khu du lịch, khu danh thắng, khu di tích, lịch sử):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đã gồm thuế VAT)
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện):		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	1.500
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	2.500
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	20.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (kể cả xe máy điện):		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	2.500
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.500
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	30.000

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đã gồm thuế VAT)
3. Xe ô tô chở người dưới 08 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải dưới 01 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	10.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	12.500
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	22.500
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	250.000
4. Xe ô tô chở người từ 08 đến 17 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 01 đến dưới 05 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	12.500
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	15.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	27.500
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	300.000
5. Xe ô tô chở người từ 18 đến 28 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 05 đến dưới 10 tấn:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	15.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	17.500
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	32.500
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	350.000
6. Xe ô tô chở người từ 29 chỗ ngồi (không kể lái xe) và xe ô tô tải có trọng tải từ 10 tấn trở lên:		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	17.500
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	20.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	37.500
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	400.000

Ghi chú: Việc xác định xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030.